

Bản án số: 16/2024/HNGĐ-ST

Ngày 23/9/2024

*“V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi  
con khi ly hôn”*

## **NHÂN DANH**

### **NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG NÔ, TỈNH ĐẮK NÔNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Võ Thị Nhi.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Quang Châu; Ông Lê Khải.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Vi Thế Nam là Thư ký của Tòa án nhân dân huyện Krông Nô.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Nô tham gia phiên tòa:**  
Ông Nguyễn Tuấn Anh, Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Nô xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 94/2024/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 8 năm 2024, về: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17A/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 29 tháng 8 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 54/2024/QĐST-DS ngày 13/9/2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị H D, sinh năm 1997 - Vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Bon R, xã N, huyện K, tỉnh Đắk Nông.

- Bị đơn: Anh Y N, sinh năm 1995 - Vắng mặt.

Địa chỉ: Bon R, xã N, huyện K, tỉnh Đắk Nông.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN**

*\* Theo đơn khởi kiện ly hôn đề ngày 15/6/2024 và quá trình giải quyết vụ án, chị H D trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Chị H D và anh Y N tự nguyện kết hôn năm 2016, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện K, tỉnh Đắk Nông. Quá trình chung sống chị H D và anh Y N phát sinh nhiều mâu thuẫn do không hợp, không cùng quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Hiện nay mâu thuẫn của anh chị đã trầm trọng, chị H D không còn tình cảm vợ chồng với anh Y N. Với những mâu thuẫn đó chị H D không thể sống chung với

anh Y N được nữa nên chị H D yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Krông Nô giải quyết cho chị ly hôn với anh Y N.

- Về con chung: Chị H D và anh Y N có 01 con chung là H Phương N, sinh ngày 17/02/2018, con hiện đang ở cùng chị H D. Chị H D mong muốn được nuôi con và không yêu cầu cấp dưỡng.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị H D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\* *Quá trình giải quyết vụ án anh Y N trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Chị H D và anh Y N tự nguyện kết hôn năm 2016, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện K, tỉnh Đắk Nông. Sau khi kết hôn anh chị không mâu thuẫn, anh Y N chỉ mâu thuẫn với bố mẹ vợ nên anh Y N không đồng ý ly hôn với chị H D.

- Về con chung: Anh Y N và chị H D có 01 con chung là H Phương N, sinh ngày 17/02/2018. Anh Y N không đồng ý ly hôn nên không có ý kiến về con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: Anh Y N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Kiểm sát viên phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, HĐXX và Người tham gia tố tụng:* Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng từ khi thụ lý đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án; tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng, đầy đủ các trình tự thủ tục quy định; người tham gia tố tụng chị H D, anh Y N chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn.

Về án phí: Buộc chị H D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo quy định của pháp luật.

Các chứng cứ tài liệu gồm: bản chính 01 giấy chứng nhận kết hôn; 01 bản sao giấy khai sinh; 01 bản sao căn cước công dân.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị H D yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, giải quyết về con chung. Do đó, quan hệ pháp luật được xác định là “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*”. Bị đơn là anh Y N có nơi cư trú tại bon R, xã N, huyện K, tỉnh Đắk Nông. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Krông Nô theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Chị H D có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Anh Y N vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị H D, anh Y N.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Giấy chứng nhận kết hôn số: 49, ngày 21/11/2016 thể hiện Chị H D và anh Y N có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện K, tỉnh Đắk Nông, việc kết hôn của anh chị trên cơ sở tự nguyện. Đây là hôn nhân hợp pháp, kết hôn đúng theo Điều 8, Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình.

Xét yêu cầu ly hôn của chị H D, xét thấy sau khi kết hôn vợ chồng chị H D xảy ra nhiều mâu thuẫn do không hợp nhau, không cùng quan điểm sống, đến đầu năm 2024 thì mâu thuẫn trầm trọng, hiện nay chị H D và anh Y N không còn chung sống với nhau. Quan hệ hôn nhân phải dựa trên tình cảm, tình yêu thương từ cả hai phía vợ, chồng; dựa trên sự bình đẳng, tôn trọng danh dự, nhân phẩm, uy tín của nhau. Chị H D không còn tình cảm với anh Y N, vì vậy không đảm bảo được việc quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ, chia sẻ với nhau những công việc gia đình và cùng nhau nuôi con chung trưởng thành. Hiện nay quan hệ hôn nhân không có khả năng hàn gắn, tình cảm yêu thương dành cho nhau không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Theo nội dung biên bản xác minh tại nơi chị H D và anh Y N sinh sống thì chính quyền không nắm được vợ chồng chị H D và anh Y N có mâu thuẫn hay không.

Tại Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình quy định về tình nghĩa vợ chồng:

*“1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình.*

*2. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác.*

Tại điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình quy định:

*“1. Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được”.*

Như vậy, xét yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị H D và quan điểm của đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Nô đối với nội dung vụ án là có căn cứ, đúng pháp luật nên cần chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Quá trình giải quyết vụ án các đương sự thừa nhận có 01 con chung là H Phương N, sinh ngày 17/02/2018. Chị H D có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con chung đến tuổi trưởng thành. Anh Y N không có ý kiến về con chung.

Tại khoản 1, khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình quy định:

*“1. Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình theo quy định của Luật này, Bộ luật dân sự và các luật khác có liên quan.*

*2. Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con.”*

Xét thấy con chung của chị H D và anh Y N chưa thành niên, cần người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành. Do đó, Hội đồng xét xử có căn cứ áp dụng các điều 58, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình, giao con chung là H Phương N, sinh ngày 17/02/2018 cho chị H D trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị H D không yêu cầu anh Y N cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết, xác định không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chị H D phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0008114 ngày 15/8/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Krông Nô.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 235; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 19; Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H D.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị H D được ly hôn anh Y N.

2. Về con chung: Giao con chung là H Phương N, sinh ngày 17/02/2018 cho chị H D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị H D không yêu cầu nên không giải quyết.

Sau khi ly hôn chị H D, anh Y N có các quyền, nghĩa vụ theo các Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình như sau:

- Quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình theo quy định tại khoản 1 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

- Nghĩa vụ, quyền của cha mẹ không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn theo quy định tại Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình.

- Nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ trực tiếp nuôi con đối với người không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn theo quy định tại Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

- Quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn theo quy định tại Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị H D và anh Y N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị H D phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0008114 ngày 15/8/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Krông Nô.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

*Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận :**

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Krông Nô;
- Chi cục THADS huyện Krông Nô;
- UBND xã N;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Võ Thị Nhi**